

Bản án số: 43/2020/DS- ST

Ngày: 20/5/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Như Sương.

2. Ông Lưu Bình Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:** Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; Địa chỉ trụ sở: 89 đường L, phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: đường P, Phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm: 1984; địa chỉ: đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 12375/2020-UQ ngày 06/01/2020)

Ông Huỳnh Trọng N vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Tăng Kiệt N, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Chung cư Quân sự, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 30/6/2017, ông Tăng Kiệt N có ký hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD với Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 647.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm, cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; thời hạn vay là 72 tháng (từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/6/2023); mục đích: vay mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, mới 100%.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông N đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: COLORADO, số khung MMM148MK0HH646798, số máy FX3G170821058, biển số: 51D-144.43, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 283849 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2017. Hợp đồng thế chấp số LN1706260092234/CLN/HĐTCSP ngày 30/6/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1254147594 cùng ngày tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản bảo đảm do ông N là người trực tiếp sở hữu và sử dụng.

Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho khách hàng theo Khế ước nhận nợ lần 01 số LN1706260092234/CLN/HĐTD ký cùng ngày 30/6/2017. Sau khi nhận được số tiền trên, ông N đã thanh toán được 107.844.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là 67.505.774 đồng. Sau đó, ông N không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng dù đã nhiều lần Ngân hàng liên hệ, yêu cầu ông N thanh toán nợ, bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý theo quy định.

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/12/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 17/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng A – ông Huỳnh Trọng N yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Tăng Kiệt N thanh lý hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD ngày 30/6/2017, trả một lần cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền là 758.017.392 đồng (gồm số tiền gốc là 539.156.000 đồng, số tiền lãi là 218.861.392 đồng).

Kể từ ngày 21/5/2020 trở đi, ông N vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N không thanh toán được khoản nợ trên, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/02/2020, Ngân hàng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

*\* Đối với bị đơn – ông Tăng Kiệt N:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A đối với ông Tăng Kiệt N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*\* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Tăng Kiệt N có ký hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD với Ngân hàng, nên có cơ sở xác định giữa ông N và Ngân hàng có giao kết hợp đồng vay tài sản. Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận G “Tăng Kiệt N, SN 1972, HKTT chung cư Quân sự, Phường T, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Đang sự Nhon không thực tế cư ngụ tại địa phương từ năm 2015 đến nay. Hiện đang sự Nhon tạm trú tại số 10, đường 7A, phường An Lạc, Quận Bình Tân.”; và kết quả xác minh của Công an Phường An Lạc, Quận Bình Tân: “Tại địa bàn phường An Lạc không có địa chỉ nhà số 10, đường 7A, phường An Lạc, Quận Bình Tân”.

Tòa án có cơ sở xác định ông N có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 0.5 chung cư Quân sự, Phường T, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh; ông N là người phải thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nhưng ông N chuyển chỗ ở không báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về người tham gia tố tụng:* Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Tăng Kiệt N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Ngân hàng A buộc ông Tăng Kiệt N trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 539.156.000 đồng và nợ lãi quá hạn tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 218.861.392 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng và bị đơn ông Tăng Kiệt N có ký hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD ngày 30/6/2017. Nội dung: Ngân hàng cho ông N vay số tiền 647.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm, cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; thời hạn vay là 72 tháng (từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/6/2023); mục đích: vay mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, mới 100%; ngoài ra còn có thỏa thuận về thu hồi nợ trước hạn và lãi suất quá hạn. Ngân hàng và ông N ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn nhận được tiền vay 647.000.000 đồng, sau đó đã thanh toán được số tiền 107.844.000 đồng nợ gốc và 67.505.447 đồng nợ lãi, sau đó không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và lãi còn lại cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa thanh toán theo khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã ký kết quy định về thời hạn và phương thức trả nợ, thu hồi nợ trước hạn.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại 539.156.000 đồng trước thời hạn và số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 218.861.392 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

*[3] Về tài sản thế chấp:*

Để đảm bảo khoản tiền vay, ông N đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: COLORADO, số khung MMM148MK0HH646798, số máy FX3G170821058, biển số: 51D-144.43, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 283849 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2017 mang tên Tăng Kiệt N. Hợp đồng thế chấp số LN1706260092234/CLN/HĐTCSP ngày 30/6/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1254147594 cùng ngày tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản bảo đảm do ông N là người trực tiếp sở hữu và sử dụng. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm và thế chấp tài sản đã được các bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật do đó, trong trường hợp ông N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Tăng Kiệt N phải trả cho Ngân hàng A số tiền 758.017.392 đồng (gồm số tiền nợ gốc là 539.156.000 đồng, số tiền lãi quá hạn tính tới ngày 20/5/2020 là 218.861.392) một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông N còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD ngày 30/6/2017 được ký giữa ông N và Ngân hàng.

*[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn – ông Tăng Kiệt N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.320.696 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 13.440.314 đồng cho Ngân hàng A theo biên lai thu số AA/2016/0009721 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 323 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

2. Buộc ông Tăng Kiệt N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 758.017.392 đồng (gồm số tiền nợ gốc là 539.156.000 đồng, số tiền lãi quá hạn tính tới ngày 20/5/2020 là 218.861.392). Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/5/2020, ông Tăng Kiệt N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LN1706260092234/CLN/HĐTD ngày 30/6/2017 được ký kết giữa ông Tăng Kiệt N với Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trong trường hợp ông Tăng Kiệt N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô CHEVROLET, số loại: COLORADO, số khung MMM148MK0HH646798, số máy FX3G170821058, biển số: 51D-144.43, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 283849 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2017, chủ xe mang tên Tăng Kiệt N để thu hồi nợ.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông N thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng A có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho ông N.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tăng Kiệt N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.320.696 (ba mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.440.314 (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm mười bốn) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0009721 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng A, bị đơn Tăng Kiệt N  
vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt  
hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Ngọc Diệp**